

Hoạt động ngoại giao của chế độ “Việt Nam Cộng hòa” thời kỳ Ngô Đình Diệm (1955-1963)

- **Trần Nam Tiến**

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT:

Chế độ Việt Nam Cộng hòa chính thức được thành lập trong năm 1955 với sự lãnh đạo tuyệt đối của Ngô Đình Diệm. Trong giai đoạn 1955-1963, đường lối ngoại giao của Việt Nam Cộng hòa tập trung chủ yếu vào nhiệm vụ chống Cộng với tư cách là một quốc gia tiên phong trong liên minh chống Cộng do Hoa Kỳ đứng sau hỗ trợ. Trong quá trình triển khai, chính quyền Ngô Đình Diệm bước đầu đã đạt được những kết quả nhất định trong hoạt động ngoại giao, xây dựng được mối liên kết với nhiều quốc gia trong phe tư bản chủ nghĩa, xây

dựng được một mạng lưới chống Cộng do Hoa Kỳ lãnh đạo. Nhìn một cách tổng quát, ngoại giao của chính quyền Ngô Đình Diệm chỉ là sự thực hiện đường lối ngoại giao của Hoa Kỳ thiết lập cho chính quyền thuộc địa kiểu mới Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam. Bắt đầu từ năm 1960, chính quyền Ngô Đình Diệm đã đi ngược lại với những đường lối của Hoa Kỳ dẫn đến việc Hoa Kỳ quyết định bật đèn xanh cho các lực lượng đảo chính trong quân đội Sài Gòn lật đổ chế độ độc tài Ngô Đình Diệm (1/11/1963).

Từ khóa: Việt Nam Cộng hòa, Hoa Kỳ, Ngô Đình Diệm, ngoại giao

1. Sự thành lập chế độ Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam Việt Nam

Trước sự thất bại không thể tránh khỏi của Pháp trong cuộc Chiến tranh Đông Dương, để cứu vãn tình thế, Hoa Kỳ buộc phải chọn giải pháp trực tiếp đầu tư xây dựng mô hình thực dân mới ở Việt Nam thay cho mô hình “Bảo Đại” đã không còn hiệu quả. Trong bối cảnh đó, Ngô Đình Diệm vốn là một viên quan phong kiến thất sủng, bị cả thực dân Pháp và phát xít Nhật bỏ rơi, trở thành giải pháp “tối ưu” nhất cho những kế hoạch mới của Hoa Kỳ ở Việt Nam. Trước khi Hiệp định Genève về Việt Nam được ký kết, Hoa Kỳ đã tạo điều kiện đưa Ngô Đình Diệm về nước và ép Pháp buộc Bảo Đại bổ nhiệm Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng Quốc gia Việt Nam

(16/6/1954)¹, mở đầu quá trình thiết lập chế độ thực dân mới của Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam². Ngày 7/7/1954, Ngô Đình Diệm thành lập Nội các gồm

¹ *Công báo Việt Nam Cộng hòa*, năm 1954, tr. 1355. Vấn đề này hiện nay vẫn có nhiều quan điểm khác nhau. Một luồng dư luận có xu hướng ủng hộ Ngô Đình Diệm cho rằng chính Bảo Đại là người ra quyết định đưa Ngô Đình Diệm về làm Thủ tướng Quốc gia Việt Nam. Lúc này, Hoa Kỳ lúc ấy vẫn chưa chấp nhận Ngô Đình Diệm. Thậm chí, các nhà ngoại giao Hoa Kỳ tại Hội nghị Genève đã từ chối khéo ông Ngô Đình Luyện, em ông Ngô Đình Diệm, khi ông thúc đẩy họ tiếp kiến ông Diệm. Xem thêm FRUS 1952-1954, Volume XVI, The Genève Conference, Document 594- DCVOnline; Stanley Karnow (1983), *Vietnam a History*, New York: Penguin Books, 1983, p. 234.

² Lúc bấy giờ, Ngoại trưởng Hoa Kỳ John Foster Dulles cùng em ruột là Giám đốc CIA Allen Welsh Dulles đã hậu thuẫn cho việc bổ nhiệm Ngô Đình Diệm. Xem Thomas L. Ahern Jr (2000), *CIA and The House of Ngo: Covert Action in South Vietnam, 1954-63*, Washington, DC: Center for the Study of Intelligence, Central Intelligence Agency. http://www2.gwu.edu/~nsarchiv/NSAEBB/NSAEBB284/2-CIA_AND_THE_HOUSE_OF_NGO.pdf

18 thành viên đều thân Diệm. Với việc đưa Ngô Đình Diệm về cầm quyền ở miền Nam Việt Nam, Hoa Kỳ đã gấp rút tạo dựng cơ sở chính trị - xã hội cho Diệm, chờ cơ hội do Hiệp định Genève mang lại.

Ngày 20/7/1954, Hiệp định Genève được ký kết, tuy nhiên đại diện Quốc gia Việt Nam và Hoa Kỳ không ký vào Hiệp định. Ngay sau đó, Ngoại trưởng Hoa Kỳ Foster Dulles đã khẳng định: “Điều quan trọng nhất không phải khóc thương cho quá khứ mà phải nắm lấy cơ hội tương lai nhằm ngăn chặn không để việc mất Bắc Việt Nam để cuối cùng dẫn đến chỗ chủ nghĩa cộng sản chiếm ưu thế trên toàn cõi Đông Nam Á và Tây Nam Thái Bình Dương”³. Ngày 20/8/1954, Hội đồng An ninh quốc gia Hoa Kỳ đã ra Quyết định NSC 5429/2 với nội dung cơ bản là: Pháp phải nhanh chóng rút hết quân khỏi miền Nam Việt Nam và phải ủng hộ Ngô Đình Diệm; Mỹ trực tiếp viện trợ cho ngụy quyền Sài Gòn không qua Pháp; loại bỏ Bảo Đại, tay sai lâu đời của Pháp⁴. Trên cơ sở đó, Hoa Kỳ đã bắt tay vào việc giúp đỡ Ngô Đình Diệm xây dựng một chính quyền “thân Mỹ” ở miền Nam Việt Nam.

Bất chấp điều khoản ràng buộc của Hiệp định Genève “cấm tăng thêm vào Việt Nam mọi bộ đội và nhân viên quân sự”, Hoa Kỳ tìm mọi cách đưa các nhân viên quân sự (cố vấn quân sự) vào miền Nam Việt Nam trợ giúp cho Quốc gia Việt Nam. Từ năm 1955, Hoa Kỳ đưa đội ngũ cố vấn sang miền Nam Việt Nam giúp Ngô Đình Diệm xây dựng lực lượng quân sự và bộ máy “nhà nước”. Ngày 12/2/1955, Chính phủ Hoa Kỳ đã quyết định các viện trợ quân sự của Mỹ sẽ chuyển trực tiếp cho Chính phủ Ngô Đình Diệm. Đến giữa năm 1956, số sĩ quan và binh lính Mỹ tăng gấp đôi so với số Mỹ có vào thời điểm Hiệp định Genève được ký kết.

³ Dulles news conference, July 23, 1954, John Foster Dulles Papers, Seeley G. Mudd Manuscript Library, Princeton, New Jersey.

⁴ NCS-5429/2, “Review of U.S. Policy in the Far East”, 20 August 1954, trong Arthur Schlesinger Jr., *A Thousand Days: John F. Kennedy in the White House*, Boston: Houghton Mufflin, 1965, p. 328.

Hoa Kỳ cũng đưa thêm vũ khí và phương tiện chiến tranh để trang bị cho quân đội của Ngô Đình Diệm, giúp huấn luyện sĩ quan quân đội Sài Gòn tại các căn cứ quân sự Hoa Kỳ ở Thái Bình Dương; huấn luyện các lực lượng vũ trang của Quốc gia Việt Nam (sau là Việt Nam Cộng hòa); bí mật đưa một lượng lớn vũ khí và thiết bị quân sự vào Việt Nam; giúp đỡ phát triển các kế hoạch “*binh định Việt Minh và các vùng chống đối*” ở miền Nam Việt Nam⁵. Hệ thống cố vấn Mỹ được cấm không những ở Phủ Tổng thống, ở Bộ Tổng tham mưu ngụy, Tổng nha Cảnh sát, các Bộ của chính quyền Sài Gòn mà ở cả các đơn vị quân đội Sài Gòn, các địa phương ở toàn miền Nam Việt Nam⁶.

Trong hai năm (1954-1955), Hoa Kỳ gấp rút củng cố chỗ đứng, và hậu thuẫn cho Ngô Đình Diệm tiến hành truất phế Bảo Đại, dựng lên chế độ Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam Việt Nam. Ngày 17/7/1955, Ngô Đình Diệm tuyên bố không có hiệp thương tổng tuyển cử vì không bị ràng buộc bởi Hiệp định Genève. Tiếp đó, Hoa Kỳ bảo trợ Diệm loại bỏ thế lực chống đối thân Pháp, thực hiện truất phế Bảo Đại, hất cẳng Pháp. Ngày 23/10/1955, Ngô Đình Diệm tổ chức cuộc “trung cầu dân ý” phế truất Bảo Đại và lên làm Quốc trưởng⁷. Chế độ Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam Việt Nam ra đời ngày 26/10/1955 với Hiến ước tạm thời và được chính thức hóa một năm sau đó với Hiến pháp ngày 26/10/1956, tuy nhiên mọi việc thực chất đã được Hoa Kỳ chuẩn bị từ nhiều năm trước. Chế độ Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam Việt Nam được tổ chức theo mô hình chính thể Cộng hòa với thiết chế tổng thống, có quốc hội, hiến pháp, với bộ máy hành pháp do tổng thống đứng đầu. Nhiệm kỳ thứ nhất

⁵ *The CIA: A Forgotten History: All other actions: The Pentagon Papers*, Document No. 15: “Lansdale Team’s Report on Covert Saigon Mission in ‘54 and 55,” pp.53-66.

⁶ Graham A. Cosmas (2006), *MACV: The Joint Command in the Years of Escalation, 1962-1967*, Washington, D.C.: Center of Military History, 524 pp.

⁷ Jessica M. Chapman (2006), “Staging Democracy: South Vietnam’s 1955 Referendum to Depose Bao Dai”, *Diplomatic History*, Volume 30, Issue 4, 2006, pp. 671-703.

của Tổng thống Ngô Đình Diệm bắt đầu từ ngày 26/10/1956 – ngày ban hành Hiến pháp và chấm dứt vào ngày 30/4/1961.

Đến năm 1958, về cơ bản bộ máy nhà nước do Ngô Đình Diệm đứng đầu đã được xây dựng tương đối hoàn chỉnh, với đầy đủ các thiết chế từ cơ quan lập pháp đến hành pháp và tư pháp. Ngày 09/4/1961 Ngô Đình Diệm đã tái cử thêm một nhiệm kỳ nữa. Chính quyền Ngô Đình Diệm và chế độ Việt Nam Cộng hòa trong thời kỳ tồn tại (1955-1963) đã thực hiện tất cả những âm mưu, thủ đoạn và biện pháp dưới sự “chỉ đạo” của Hoa Kỳ nhằm phá hoại hiệp định Genève, chia cắt lâu dài Việt Nam, đàn áp mạnh mẽ phong trào cách mạng ở miền Nam Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa, phòng tuyến chống phá cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, ngăn chặn phong trào cộng sản lan tràn xuống Đông Nam Á, qua đó thực hiện chiến lược toàn cầu của Hoa Kỳ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Có thể nói, chính thể Việt Nam Cộng hòa là một trong những chế độ thuộc địa điển hình của chủ nghĩa thực dân mới Hoa Kỳ.

2. Nội dung chính sách ngoại giao của chế độ Việt Nam Cộng hòa thời kỳ Ngô Đình Diệm (1955-1963)

Nhìn chung, chính sách ngoại giao của chính quyền Việt Nam Cộng hòa thời kỳ cầm quyền của Ngô Đình Diệm phụ thuộc vào đường lối ngoại giao do Hoa Kỳ vạch ra cho các nước "thuộc địa mới" của Mỹ ở khu vực châu Á, gắn liền với quá trình dính líu, can thiệp của Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam. Sự thay đổi về chiến lược của Hoa Kỳ ở khu vực Đông Nam Á, trong đó quan trọng nhất là khu vực Đông Dương, xuất hiện sau thắng lợi của lực lượng Cộng sản ở Trung Quốc (1949), cùng với việc nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa công khai ủng hộ cuộc đấu tranh chống Pháp của nhân dân Việt Nam và ảnh hưởng của thuyết “Domino”, giới cầm quyền Hoa Kỳ cho rằng chủ nghĩa cộng sản sẽ

như một cơn sóng lan nhanh xuống khu vực Đông Nam Á và toàn bộ châu Á⁸.

Từ năm 1950, các chiến lược gia của Hoa Kỳ đã xác định Đông Dương trở thành bộ phận quan trọng trên tuyến ngăn chặn của Hoa Kỳ ở châu Á. Họ cũng cho rằng, Đông Nam Á là khu vực có tầm sinh tử đối với an ninh của Hoa Kỳ. Thêm vào đó, cuộc chiến tranh ở Triều Tiên và cục diện quốc tế trong cuộc chiến tranh này cũng là một nhân tố quan trọng làm thay đổi chính sách của Mỹ về khu vực Đông Nam Á và Đông Dương. Có thể thấy rằng, chính “sự dính líu của Mỹ ở Triều Tiên đã hoàn thiện việc làm thay đổi thứ tự ưu tiên của Mỹ ở Đông Dương”⁹. Và cuối cùng, chính sự phát triển của lực lượng cách mạng ở Việt Nam cùng với sự thất bại không thể tránh khỏi của người Pháp ở Đông Dương đã đưa Việt Nam trở thành “trọng tâm” trong chiến lược toàn cầu của Hoa Kỳ ở châu Á.

Theo Hoa Kỳ, điều cơ bản đầu tiên là phải lập ra một phòng tuyến mà Cộng sản không thể vượt qua, rồi sau đó giữ vững vùng này và chiến đấu lật đổ (các chính thể cộng sản) trong khu vực này với tất cả sức mạnh mà chúng ta [Hoa Kỳ] có” thông qua viện trợ kinh tế và xây dựng một lực lượng quân sự hùng mạnh. Hoa Kỳ phải đi đầu trong việc hình thành một tập đoàn phòng thủ khu vực đủ mạnh để “duy trì sự tự do tại Đông Nam Á”¹⁰. Trên cơ sở đó, sau Hội nghị Genève, Hoa Kỳ đứng ra thành lập “Tổ chức Hiệp ước Đông Nam Á” (SEATO) (8/9/1954) với “Hiệp ước phòng thủ Đông Nam Á”¹¹, thực chất là một tổ chức quân sự do Mỹ đứng

⁸ Jerome Slater, “The Domino Theory and International Politics: The Case of Vietnam”, *Security Studies*, Vol. 3, No. 2, Winter 1993/1994, pp. 186-224.

⁹ Pitor A. Pulso (1986), *Nước Mỹ và Đông Dương từ Rudoven đến Nixon*, (Vũ Bách Hợp dịch), Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, tr. 34.

¹⁰ Hagerty Diary, June 23, 24, 28, 1954, Hagerty Papers. Dẫn theo George C. Herring (1979), *America's Longest War: The United States and Vietnam, 1950-1975*, New York: John Wiley and Sons, tr. 38.

¹¹ Thành viên của SEATO bao gồm Mỹ, Anh, Pháp, Australia, New Zealand, Thái Lan, Philippines và Pakistan. Tổ chức này chính thức giải thể vào ngày 30/6/1977.

đầu làm công cụ can thiệp sâu vào miền Nam Việt Nam. Đây được xem là một liên minh quân sự ngược lại với tinh thần của văn bản Hiệp định Genève. Trong Hiệp ước thành lập khối SEATO có điều 2, điều 4, điều 8 và một khoản phụ đặt Đông Dương gồm 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia vào “khu vực bảo hộ” của khối SEATO.

Trên cơ sở đó, nền ngoại giao của chính quyền Việt Nam Cộng hòa từ khi ra đời được xem là một nền ngoại giao “độc lập”, nhưng thực chất lại phụ thuộc chặt chẽ vào Hoa Kỳ. Các hoạt động ngoại giao của Việt Nam Cộng hòa đều có sự “định hướng” khá lớn từ Hoa Kỳ. Tuy nhiên, với đặc trưng của chủ nghĩa thực dân mới, Hoa Kỳ không trực tiếp chi phối hoạt động ngoại giao của Việt Nam Cộng hòa mà chủ yếu hướng chính thể này theo quỹ đạo chống Cộng thế giới do Hoa Kỳ định ra. Trên cơ sở định hướng của Hoa Kỳ, Việt Nam Cộng hòa thực hiện đường lối ngoại giao trên nguyên tắc tôn trọng “Nhân vị” và xác định chính sách ngoại giao tập trung vào “bài Phong, đã Thực, diệt Cộng”¹², xây dựng vị thế quốc tế và tư thế hợp pháp của chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Trong đó, quan hệ với Hoa Kỳ được xem là “hòn đá tảng” trong đường lối đối ngoại của chính quyền Ngô Đình Diệm¹³.

Về chính sách đối ngoại, với chủ trương chống Cộng quyết liệt, chính quyền Ngô Đình Diệm áp dụng lập trường cứng rắn, không thiết lập quan hệ với các nước cộng sản, các nước “thân Cộng” hoặc có quan hệ ngoại giao với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, chính quyền Ngô Đình Diệm lại thực thi chủ trương ngoại giao cởi mở, tích cực với các nước không Cộng sản, các nước trung lập và các nước trong “thế giới thứ ba”. Cụ thể, chính quyền Ngô

Đình Diệm tích cực thúc đẩy quan hệ và lôi kéo Campuchia và Lào vào guồng máy của chủ nghĩa thực dân mới Hoa Kỳ, qua đó hướng tới cô lập lực lượng cách mạng miền Nam và chống phá phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Không dừng ở đây, Ngô Đình Diệm còn mở rộng quan hệ ra các nước ở khu vực Đông Nam Á, đặc biệt là các nước đồng minh của Hoa Kỳ (Thái Lan và Philippines) nhằm tạo liên minh chống Cộng ở khu vực Đông Nam Á, trong đó, liên minh quân sự là yếu tố cơ bản. Các mối liên hệ này đều đặt dưới sự bảo trợ của Hoa Kỳ mà trực tiếp là tổ chức Hiệp ước Đông Nam Á (SEATO). Liên minh chống Cộng của Ngô Đình Diệm còn mở rộng đến các nước Trung Đông và châu Phi, đặc biệt là các nước châu Phi mới giành được độc lập.

Bên cạnh nhiệm vụ chống Cộng được xem như hàng đầu, trong quá trình cầm quyền của mình, Ngô Đình Diệm còn chú trọng khai thác ngoại lực để phát triển đất nước, cụ thể tăng cường hợp tác kinh tế với các nước phát triển trong khối “tự do”, trong đó chú trọng đến một số nước phát triển ở châu Âu để thu hút vốn và kỹ thuật, cũng như tìm kiếm thị trường xuất khẩu. Lúc bấy giờ, ngoài Mỹ là nguồn viện trợ chủ yếu, Ngô Đình Diệm còn chủ trương tiếp nhận viện trợ phát triển của một số nước tư bản châu Âu thông qua các hiệp ước cụ thể. Để có thể thực hiện tốt những chủ trương trên, chính quyền Ngô Đình Diệm đã cho thành lập và khuếch trương các cơ sở ngoại giao ở nước ngoài, tích cực liên lạc chặt chẽ với kiều bào ở ngoại quốc nhằm tìm kiếm thêm nhiều sự ủng hộ và nguồn lực để phát triển đất nước¹⁴.

Nhìn chung, chính sách ngoại giao của Việt Nam Cộng hòa giai đoạn 1955-1963 được xem là chính sách của cá nhân Ngô Đình Diệm và là nhân tố quyết định trong việc hình thành chính sách, tuy nhiên vào giai đoạn cuối sự nghiệp Tổng thống của mình, Ngô Đình Diệm ngày càng phụ thuộc vào

¹² Theo quan điểm của chính quyền Việt Nam Cộng hòa, quân đội Pháp là Thực, Việt Minh là Cộng và các lực lượng địa phương như Cao Đài, Hòa Hảo và Bình Xuyên bị coi là phong kiến.

¹³ William Henderson - Wesley R. Fishel (1996), “The Foreign Policy of Ngo Dinh Diem”, *Vietnam Perspectives*, Vol.2, No.1 (Aug., 1966), p. 6.

¹⁴ Báo cáo hoạt động ngoại giao Việt Nam Cộng hòa (1954-1960) và kế hoạch hoạt động (1961-1966), hồ sơ 425, PTT-ĐI, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, TP. Hồ Chí Minh.

người anh em Ngô Đình Nhu¹⁵. Các Ngoại trưởng của Ngô Đình Diệm, kể cả Vũ Văn Mẫu - người giữ chức Bộ trưởng trong gần hết thời gian nắm quyền của Ngô Đình Diệm, tuy có đóng vai trò đáng kể nhưng vẫn chỉ mang tính chất hỗ trợ. Xét tổng quan, đường lối ngoại giao của Việt Nam Cộng hòa thời kỳ Ngô Đình Diệm (1955-1963) tập trung chủ yếu vào nhiệm vụ chống Cộng với tư cách là một quốc gia tiên phong trong liên minh chống Cộng do Hoa Kỳ đứng sau hỗ trợ. Trên cơ sở đó, chính sách đối ngoại của chính quyền Ngô Đình Diệm bị lệ thuộc khá nhiều vào Hoa Kỳ, tuy nhiên ở một chừng mực nào đó vẫn có sự “linh động”, “tích cực”, vẫn mở rộng các mối quan hệ thân hữu với các quốc gia trong khối tự do và các quốc gia trung lập nhằm hướng đến phát triển đất nước cường thịnh.

3. Hoạt động ngoại giao của chính quyền Việt Nam Cộng hòa thời kỳ Ngô Đình Diệm (1955-1963)

Trong thời gian đầu mới thành lập, chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã tiến hành nhiều hoạt động thông tin tuyên truyền, nhằm phổ biến rộng rãi trong dân chúng chủ trương “đả Thực, diệt Cộng.” Đường lối chống Thực, Cộng của Chính phủ được tuyên bố rõ trong ngày thành lập nền cộng hòa (26/10/1955), qua bài “Nhân dân cách mạng” của Hùng Lân, được đọc tại Dinh Độc Lập. Trong các nghi lễ của chính quyền, ngoài quốc ca, người dân còn nghe “Suy tôn Ngô Tổng thống”, ca ngợi Ngô Đình Diệm là thể hiện của lý tưởng chống phong, thực, cộng: “...Người cương-quyết chống Cộng, bài Phong-kiến bóc-lột, Diệt Thực-dân đang rắc reo tàn phá”¹⁶.

Với mục tiêu “đả Thực”, chính quyền Ngô Đình Diệm tập trung vào đối tượng chính là Pháp. Trong giai đoạn 1954-1956, chính quyền Ngô Đình Diệm

đã tiến hành nhiều hoạt động ngoại giao hướng tới loại bỏ hoàn toàn ảnh hưởng của Pháp ở miền Nam Việt Nam. Cụ thể, ngay sau khi Hiệp định Genève về Việt Nam được ký kết, các cơ quan công quyền trọng yếu thuộc Pháp lần lượt được trao trả cho chính quyền của Ngô Đình Diệm. Các Tòa án hỗn hợp và các cơ quan phụ thuộc cùng những đặc quyền về Tư pháp của Pháp bị bãi bỏ. Viện Phát hành, Viện Hối đoái Đông Dương, Sở Công an Pháp bị giải tán, thay thế vào đó là những cơ quan của chính quyền Diệm... Bộ Tư lệnh Pháp ở Đông Dương được giải tán và đoàn quân viễn chinh xâm lược Việt Nam của Pháp lần lượt rút khỏi miền Nam Việt Nam. Đồng thời Dinh Nodorom được trả lại cho chính quyền Diệm (ngày 7/9/1954) và được đổi tên là Dinh Độc Lập - biểu tượng “chủ quyền” của chính quyền Nam Việt Nam. Sau khi Pháp cuốn cờ về nước (6/1956), chính quyền Ngô Đình Diệm đã chấm dứt hoàn toàn sự liên đới với Khối Liên hiệp Pháp. Sau đó, chính quyền Ngô Đình Diệm có thiết lập quan hệ ngoại giao với Chính phủ Pháp nhưng khá lỏng lẻo, chủ yếu về mặt kinh tế. Nhìn chung, việc Pháp rút khỏi Việt Nam là do những thất bại trên chiến trường và trên bàn đàm phán ở Hội nghị Genève chứ chính quyền Ngô Đình Diệm không có công lao gì trong việc chống thực dân Pháp. Mục tiêu “đả thực” do Ngô Đình Diệm đề ra thực chất chỉ là một chiêu bài nhằm lấy lòng người Mỹ.

Đối với nhiệm vụ “Diệt Cộng”, chính quyền Ngô Đình Diệm đã tiến hành các chính sách chống Cộng quyết liệt. Chính quyền Ngô Đình Diệm chủ trương không chấp nhận tình trạng “lưỡng đại diện”, không thừa nhận vị trí hợp pháp của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong các tuyên bố chính thức tại các diễn đàn quốc tế, Ngô Đình Diệm luôn khẳng định Việt Nam Cộng hòa là một quốc gia riêng biệt, đối nghịch với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ngô Đình Diệm luôn cho rằng: “Việt-cộng và Thực-dân Pháp đã chia xẻ đất nước Việt-Nam làm hai miền và làm tổn thương đến nền thống-nhất

¹⁵ WilliamHenderson - Wesley R. Fishel (1996), Bài đã dẫn, pp. 3-30.

¹⁶ Bài này còn có tên là “Ghi ơn Ngô Tổng thống”, dù không phải quốc ca chính thức nhưng bài này thường được hát song song với quốc ca lúc bấy giờ là bài “Tiếng gọi công dân”. Xem Ngọc Bích và Hùng Lân, “Ghi ơn Ngô Tổng Thống”, ĐỊCH, hồ sơ số 753, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, TP. Hồ Chí Minh.

lãnh-thổ Việt-Nam”¹⁷. Ngô Đình Diệm cũng cho rằng, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là “tay sai của đế quốc cộng-sản, thực dân đồ...”¹⁸. Do đó, chính quyền Ngô Đình Diệm đã từ chối hiệp thương tổng tuyển cử tự do theo tinh thần Hiệp định Genève với lý do mà Tổng thống Ngô Đình Diệm đưa ra lời ngụy biện là không thể có bầu cử tự do với những người Cộng sản: “Chúng ta không bị ràng buộc dưới bất kỳ hình thức nào với các hiệp định được ký kết chống lại ý chí của dân tộc Việt Nam... Chúng ta không thể để lỡ bất cứ một cơ hội nào có thể cho phép thực hiện sự thống nhất Tổ quốc trong tự do. Nhưng không nghi ngờ gì nữa, chúng ta sẽ không xem xét bất kỳ đề nghị nào của Việt Minh nếu nó không chứng tỏ rằng, họ đặt lợi ích tối cao của toàn dân tộc lên lợi ích của chủ nghĩa Cộng sản”¹⁹. Trên cơ sở đó, mục tiêu quan trọng của Việt Nam Cộng hòa là thống nhất hai miền Nam Bắc nhưng không phải bằng thương thuyết hòa bình mà bằng tiến công quân sự khi có đủ thế mạnh.

Bên cạnh đó, Ngô Đình Diệm cũng thiết lập ranh giới rõ rệt giữa các quốc gia Cộng sản hoặc thân Cộng, chủ trương không hợp tác, thậm chí còn tuyên bố đoạn giao với các nước có thiết lập quan hệ với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ngay cả với Lào – quốc gia ưu tiên trong chính sách ngoại giao của Việt Nam Cộng hòa, chính quyền Diệm đã quyết định đoạn giao khi Chính phủ

của Hoàng thân Souvanna Phouma công nhận và thiết lập liên lạc ngoại giao với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào năm 1962. Ngay như Campuchia, một quốc gia liên kê đã từ chối không công nhận về mặt pháp lý đối với chính quyền Ngô Đình Diệm, ngày 2/2/1956 Ngô Đình Diệm đã đóng cửa biên giới không cho hàng hóa nhập vào Campuchia. Như vậy, thất bại lớn nhất trong chính sách đối ngoại giao của chính quyền Ngô Đình Diệm ở Đông Nam Á là không lôi kéo được Lào Và Campuchia tham gia vào liên minh chống Cộng của mình.

Sau khi ổn định tình hình trong nước, Ngô Đình Diệm đã tích cực phát triển quan hệ với các quốc gia đồng minh phương Tây trong liên minh chống Cộng, trong đó Hoa Kỳ được xem là quốc gia quan trọng hàng đầu, là “hòn đá tảng” trong chính sách đối ngoại của mình. Điều này được thể hiện rõ trong bài diễn văn đáp từ Lyndon Johnson, Ngô Đình Diệm đã tuyên bố: “*Biên giới của thế giới tự do chạy dài từ Alaska đến sông Bến Hải*”. Tuy nhiên, theo sử gia Jacques Dalloz, nguyên văn câu nói này là: “*Liên quan tới vấn đề an ninh, biên giới Hoa Kỳ không ngừng ở Đại Tây Dương và Thái Bình Dương, mà kéo dài, ở Đông Nam Á, tới sông Bến Hải, ở vĩ tuyến 17 của Việt Nam, hình thành một biên giới của “thế giới tự do”, cái mà chúng ta đều trân trọng*”. Sau đó báo chí Sài Gòn kiểm duyệt và biên tập lại, ông Diệm cũng nhận ra mình đã “nói hớ” và đã chữa lại bằng một câu khác, thay “*biên giới Hoa Kỳ*” bằng “*biên giới tự do*” như trên²⁰. Điềm lại lịch sử cầm quyền của Ngô Đình Diệm từ khi ông tổ chức cuộc “trung cầu dân ý” để phế truất Bảo Đại, lên làm Tổng thống (23/10/1955), có thể thấy Mỹ đã viện trợ tiền bạc, vũ khí và phương tiện quân sự rất lớn cho chính

¹⁷ “Để hiểu rõ bản Tuyên cáo ngày 26-4-1958 của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa về vấn đề thống nhất lãnh thổ”, trong *Tuyên cáo ngày 26-4-1958 của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa về vấn đề thống nhất lãnh thổ*, Bộ Thông tin và Thanh niên, Sài Gòn, 1958, tr. 20.

¹⁸ Ngô Đình Diệm (1961), *Con đường chính nghĩa: Nhân vị, công đồng, đồng tiến*, quyển VII, Nha Tổng Giám đốc Thông tin, Sài Gòn, tr. 28.

¹⁹ Robert S. McNamara, Sdd, tr. 68. Thực tế, phía Hoa Kỳ đã dự báo được chiến thắng sẽ thuộc về Chính phủ Hồ Chí Minh nếu tổ chức cuộc Tổng tuyển cử diễn ra theo quy định của Hiệp định Genève. Trong Báo cáo của CIA gửi Tổng thống Eisenhower cho rằng khoảng 80% dân số Việt Nam sẽ bầu cho Hồ Chí Minh nếu tổ chức cuộc Tổng tuyển cử ở Việt Nam. Từ cơ sở đó, Hoa Kỳ đã tập trung đầu tư giúp Ngô Đình Diệm xây dựng một chính thể riêng ở miền Nam Việt Nam (Xem Dwight D. Eisenhower (1963), *Mandate for Change, 1953-56*, Garden City, N.Y.: Doubleday & Compnay, Inc., p. 372).

²⁰ Xem toàn bộ bài diễn văn tại www.vietnam.ttu.edu/star/images/232/2321507006.pdf. Trích: With regard to security, the frontiers of the United States do not stop at the Atlantic and Pacific Coasts, but extend, in South East Asia, to the Ben Hai river, which partitions Viet-Nam at the 17th parallel, and forms the threatened border of the Free World, which we all cherish.

quyền Ngô Đình Diệm. Tài liệu được giải mật của Lầu Năm Góc cũng nêu rõ: “Không có sự yểm trợ của Mỹ, Diệm hầu như chắc chắn không thể đứng vững được ở miền Nam. Về bản chất, chính quyền Ngô Đình Diệm chính là một sáng tạo của Mỹ”²¹. Với sự bảo trợ tối đa của Hoa Kỳ, chính quyền Ngô Đình Diệm gần như bị “lệ thuộc” rất lớn vào ảnh hưởng của Hoa Kỳ về mặt đối ngoại. Mặc dù vậy, chính quyền Ngô Đình Diệm vẫn cố gắng tìm thể chủ động trong “hợp tác” với Hoa Kỳ, đặc biệt trong giai đoạn 1961-1963.

Dưới sự bảo trợ của Hoa Kỳ, chính quyền Ngô Đình Diệm đã áp dụng một chính sách liên kết với các nước thuộc “thế giới tự do” nhằm thực hiện mục tiêu thành lập mặt trận chống Cộng tại châu Á, cụ thể là các nước như: Thái Lan, Malaysia, Hàn Quốc, Đài Loan,... Ngày 17/10/1955, chính quyền Ngô Đình Diệm được hai Chính phủ đầu tiên công nhận là Trung Hoa Dân quốc (Đài Loan) của Tưởng Giới Thạch và Đại Hàn Dân quốc của Lý Thừa Vãn – cả hai đều là Chính phủ được lập nên dưới sự hậu thuẫn của Mỹ. Ngày 26/10/1955, sau khi Ngô Đình Diệm tuyên bố sự ra đời của nền Đệ nhất Cộng hòa do mình làm Tổng thống. Hoa Kỳ lập tức công nhận, sau đó có Anh, Pháp, Australia, Thái Lan, Nhật Bản và Italy. Năm 1956, chỉ có sáu quốc gia đặt đại sứ tại Sài Gòn gồm: Hoa Kỳ, Pháp, Thái Lan, Nhật Bản, Đại Hàn dân quốc và Trung Hoa quốc gia. Bốn quốc gia đặt tòa Đặc sứ, trong đó có Ý Đại Lợi và Tây Ban Nha, Ai Lao, Liên bang Mã Lai, Cộng hòa Liên bang Đức. Ba quốc gia đặt Tổng lãnh sự là Nam Dương, Ấn Độ, Miến Điện. Hương Cảng (Hong Kông) và Tân Gia Ba (Singapo) đặt tòa lãnh sự tại Sài Gòn²². Đến năm 1958, chính quyền Ngô Đình Diệm có 50 quốc gia công nhận về mặt pháp lý và thiết lập quan hệ ngoại

giao. Trong đó, có 38 quốc gia thiết lập đại sứ, lãnh sự tại Việt Nam Cộng hòa. Bên cạnh đó, chính quyền Ngô Đình Diệm cũng thiết lập được tòa đại sứ, lãnh sự quán tại 45 quốc gia trên thế giới. Diệm cũng đã ký một số hiệp ước với một số nước nhằm tăng cường quan hệ về kinh tế, văn hóa, v.v.²³.

Sau chuyến thăm chính thức Hoa Kỳ (1957), chính quyền Ngô Đình Diệm đã tổ chức liên tục các chuyến viếng thăm cấp cao tới các quốc gia đồng minh, như Hàn Quốc, Malaysia, Đài Loan, Philippine, Australia... đồng thời, chính quyền Ngô Đình Diệm cũng tiến hành mời các quốc gia đến thăm Việt Nam Cộng hòa như: Tổng thống Đại Hàn Dân quốc Syngman Rhee (Lý Thừa Vãn), Phó Tổng thống Trung Hoa Dân Quốc Trần Thành, Tổng thống Philippines Carlos Garcia, Quốc vương Thái Lan, Thủ tướng Malaysia Abdul Rahman,...²⁴. Ngoài ra, chính quyền Ngô Đình Diệm còn tổ chức các phái đoàn thăm quan, trao đổi, học tập kinh nghiệm với các nước đồng minh với những nội dung xoay quanh các vấn đề về chống chiến tranh du kích, tổ chức quân đội, cảnh sát, các mô hình áp chiến lược... Nhằm tăng cường hoạt động ngoại giao chống Cộng, dưới sự tác động của Hoa Kỳ, “Sài Gòn cũng được chọn làm trụ sở của Liên đoàn các dân tộc Châu Á chống Cộng và làm trụ sở cho Trung tâm Nghiên cứu và Sưu tầm của Liên hiệp Hành chính Đông Dương”²⁵.

Bên cạnh các mối quan hệ với các quốc gia trong liên minh chống Cộng, chính quyền Sài Gòn cũng chú trọng thiết lập quan hệ ngoại giao thân

²¹ Mike Gravel (1971), *The Pentagon Papers : The Defense Department History of United States Decision Making on Vietnam*, Boston: Beacon Press, p. 25.

²² Văn kiện tổ chức Tòa đại diện Ngoại giao Việt Nam của Bộ Ngoại giao VNCH năm 1956, hồ sơ 1445, PTT-ĐI, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, TP. Hồ Chí Minh.

²³ Tài liệu về các tổ chức quốc tế, các nước sang thăm Việt Nam, tài liệu về quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam Cộng Hòa với Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, Ấn Độ, Đại Hàn, Campuchia, Lào, Indonésia, Thái Lan, Nhật Bản, Úc, Tân Tây Lan,... Các báo cáo được lưu trữ đầy đủ tại Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975); Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa (1954-1963), Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, TP. Hồ Chí Minh.

²⁴ Các sự kiện này được lưu trữ đầy đủ tại phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975) và Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa (1954-1963), Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, TP. Hồ Chí Minh.

²⁵ Tổng kết về Hành chính, Tư pháp và Ngoại giao 6 năm của VNCH, hồ sơ 425, PTT-ĐI, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, TP. Hồ Chí Minh.

hữu với các quốc gia tư bản phát triển khác với mục đích tận dụng sự giúp đỡ, hỗ trợ của các quốc gia này cho sự phát triển của đất nước. Ở châu Á, chính quyền Ngô Đình Diệm chú trọng phát triển quan hệ với hai quốc gia: Nhật Bản và Ấn Độ. Để tạo cơ sở quan hệ cho Việt Nam Cộng hòa với Nhật Bản, dưới sự tác động của Hoa Kỳ, ngày 13/5/1959, Nhật Bản đã ký Hiệp định về bồi thường chiến tranh đối với Việt Nam Cộng hòa, theo đó Nhật Bản cam kết trả cho Việt Nam Cộng hòa 39 triệu USD tiền bồi thường trong vòng 5 năm²⁶ và cho vay 16,6 triệu USD cho các dự án phát triển²⁷. Ngày 30/12/1959, Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa ra Sắc lệnh số 361/NG về việc phê chuẩn Hiệp định bồi thường chiến tranh giữa Nhật Bản và chính quyền Sài Gòn, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong quan hệ hai bên²⁸. Đối với Ấn Độ mặc dù quốc gia này có sự thiết lập quan hệ với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhưng để tranh thủ sự ủng hộ của nước này liên quan đến Hiệp định Genève, chính quyền Ngô Đình Diệm vẫn duy trì tòa Tổng lãnh sự ở quốc gia này. Quan hệ giữa chính quyền Việt Nam Cộng hòa thời kỳ Ngô Đình Diệm và Ấn Độ cũng có sự phát triển nhất định²⁹. Ở khu vực Trung Đông, chính quyền Ngô Đình Diệm cũng thiết lập được đại sứ quán ở Thổ Nhĩ Kỳ, Libăng...

Ở Tây Âu, chính quyền Ngô Đình Diệm thiết lập quan hệ ngoại giao với hầu hết các nước tư bản ở đây, có trụ sở đại diện ngoại giao ở các nước Anh, Cộng hòa Liên bang Đức, Pháp, Italy, Bỉ, Hà Lan và Tây Ban Nha. Tại châu Mỹ, ngoài Hoa Kỳ, chính

quyền Ngô Đình Diệm cũng thiết lập được quan hệ ngoại giao với Canada, Jamaica và Argentina. Tại Châu Phi, thực hiện chính sách tăng cường quan hệ tại khu vực này, chính quyền Ngô Đình Diệm nhanh chóng công nhận các quốc gia mới độc lập và tiến hành trợ giúp về lương thực, canh nông, nhưng nhìn chung không đạt được kết quả tốt trong quan hệ với các quốc gia này. Trên thực tế, phần lớn các nước châu Phi mới giành được độc lập có thiện cảm và ủng hộ Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Hoa Kỳ còn bảo trợ cho chính quyền Ngô Đình Diệm tham dự hàng chục hội nghị quốc tế nhằm tạo dựng vị thế cho Việt Nam Cộng hòa. Tháng 4/1955, dưới sự đỡ đầu của Mỹ, chính quyền Ngô Đình Diệm được tham dự Hội nghị Thượng đỉnh Á - Phi tổ chức tại Bandung (Indonesia, từ ngày 18 đến ngày 24/4/1955) cùng với 29 nước. Chính quyền Ngô Đình Diệm cũng đứng ra tổ chức một số hội nghị quốc tế tại Sài Gòn, trong đó “đặc biệt là Hội nghị kế hoạch Colombo năm 1958. Hội nghị các vị Trưởng nhiệm sở ngoại giao Việt Nam tại Liên Hiệp Quốc được nhóm họp sơ tại Dinh Độc Lập”³⁰.

Đặc biệt, một trong những chủ trương lớn về ngoại về ngoại giao thời Ngô Đình Diệm là phấn đấu trở thành thành viên chính thức của Liên Hiệp Quốc. Dưới sự hỗ trợ của Hoa Kỳ, cũng như sự ủng hộ của nhiều nước phương Tây, chính quyền Ngô Đình Diệm đã nộp đơn xin gia nhập Liên Hiệp Quốc³¹. Ngày 2/3/1957, vấn đề Việt Nam Cộng hòa xin gia nhập Liên Hiệp quốc được biểu quyết tại Đại Hội đồng Liên Hiệp quốc kết quả với 40 phiếu thuận, 8 phiếu chống, 16 phiếu trắng. Ngày 10/9/1957, vấn đề trên được đưa ra Hội đồng Bảo an Liên Hiệp quốc, với 10 phiếu thuận, tuy nhiên Liên Xô phủ quyết. Ngày 28/10/1957, vấn đề này

²⁶ Trong 3 năm đầu, mỗi năm 10 triệu USD; trong hai năm còn lại, mỗi năm 4,5 triệu USD. Baisho Mondai Kenkyukai 1963. Masaya Shiraishi (1990), *Japanese Relations with Vietnam 1951-1987*, Cornell University, Ithaco, New York, p. 19.

²⁷ Nguyễn Văn Ánh (1971), *Nhật Bản trong vai trò phát triển kinh tế ở Đông Nam Á*, Luận văn kết khóa, Trường Cao đẳng Quốc phòng, Sài Gòn, tr. 108.

²⁸ *Sắc lệnh 361/NG ngày 30/12/1959 về việc phê chuẩn Thỏa ước bồi thường giữa Việt Nam Cộng hòa và Nhật Bản*, Hồ sơ số 523, Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa, 1959, Lưu trữ Bộ Ngoại giao, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.

²⁹ D.R. Sardesai (1968), *Indian Foreign Policy in Cambodia, Laos, and Vietnam, 1947-1964*, Berkeley: University of California Press, p. 107.

³⁰ Tổng kết về Hành chính, Tư pháp và Ngoại giao 6 năm của Việt Nam Cộng hòa, Tài liệu đã dẫn.

³¹ Xem Mật diện của Tòa Đại sứ Việt Nam tại Mỹ v/v xin gia nhập Liên hiệp quốc, Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa (1954-1963), Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, TP. Hồ Chí Minh.

được đưa ra Đại hội đồng một lần nữa, với 49 phiếu thuận, 9 phiếu chống, 23 phiếu trắng. Ngày 9/12/1958 tại Hội đồng Bảo an Liên Hiệp quốc, Liên Xô một lần nữa lại phủ quyết. Xét từ góc độ pháp lý, Việt Nam Cộng hòa không có quyền đại diện cho toàn thể nhân dân Việt Nam, theo Hiệp định Genève 1954, chính quyền Ngô Đình Diệm chỉ tạm thời nắm quyền ở miền Nam Việt Nam. Thực tế, Liên Xô muốn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cùng gia nhập Liên Hiệp Quốc nhưng các nước phương Tây không đồng ý và bản thân Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bác bỏ việc này nên cuối cùng Liên Xô phủ quyết đơn xin gia nhập Liên Hiệp Quốc của chính quyền Ngô Đình Diệm³². Tuy nhiên, dưới sự giúp đỡ của Hoa Kỳ, Việt Nam Cộng hòa vẫn được kết nạp làm thành viên của một số tổ chức quốc tế như: Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế IAEA (1957); Tổ chức Hàng không Dân sự Quốc tế ICAO (1954); Quỹ Tiền tệ Quốc tế IMF (1956); Tổ chức Khí tượng Thế giới WMO (1955), Ngân hàng Thế giới (1956). Đây được xem là một lợi thế khá lớn cho chính quyền Ngô Đình Diệm trong quan hệ quốc tế.

4. Kết luận

Nhìn chung, dưới sự bảo trợ của Mỹ, chính quyền Ngô Đình Diệm bước đầu đã đạt được những kết quả nhất định trong hoạt động ngoại giao, xây dựng được mối liên kết với nhiều quốc gia trong phe tư bản chủ nghĩa, xây dựng được một mạng lưới chống Cộng do Hoa Kỳ lãnh đạo. Bên cạnh đó, chính quyền Ngô Đình Diệm cũng thể hiện sự “độc lập” và “chủ động” trong hoạt động ngoại giao, mở rộng quan hệ được với nhiều quốc gia không Cộng sản, tiến hành ký một số Hiệp ước, thỏa ước trao đổi về thương mại, văn hóa, giáo dục... Tuy nhiên, tất cả các hoạt động ngoại giao, cũng như các mối quan hệ thiết lập được của chính quyền Ngô Đình Diệm đều chỉ có tính hình thức, không thể che dấu nổi tính chất phản dân chủ, chuyên chế, độc tài. Bên

cạnh đó, sự lệ thuộc quá nhiều vào Hoa Kỳ cũng khiến cho các hoạt động ngoại giao của chính quyền Diệm chẳng có chút trọng lượng nào. Do đó, dù đại diện của chính quyền này đến dự các hội nghị quốc tế, cũng chỉ đến cho có mặt, chẳng thể đóng góp được gì tích cực. Nhìn một cách tổng quát, ngoại giao của chính quyền Ngô Đình Diệm chỉ là sự thực hiện đường lối ngoại giao của Hoa Kỳ thiết lập cho chính quyền thuộc địa kiểu mới Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam.

Bắt đầu từ năm 1960, chính quyền Ngô Đình Diệm đã đi ngược lại với những đường lối của Hoa Kỳ đặc biệt là cách thức điều hành chính quyền Sài Gòn và các hoạt động chống Cộng sản. Tâm lý lo ngại và cảnh giác của Hoa Kỳ càng dâng cao khi trong một thời gian dài kể từ năm 1961, Diệm đã tìm mọi cách đấu tranh nhằm hạn chế sự ảnh hưởng của Hoa Kỳ tại miền Nam Việt Nam. Đặc biệt, Ngô Đình Diệm cương quyết không chấp nhận sự can thiệp chính trị và quân sự quá sâu của Hoa Kỳ vào miền Nam Việt Nam nhằm từng bước xóa đi vai trò của Hoa Kỳ tại đây. Chính điều này đã nhen nhóm nên những mâu thuẫn giữa Hoa Kỳ và Ngô Đình Diệm. Thái độ “bất tuân” của Diệm đối với Hoa Kỳ đã khiến Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ và các tướng lĩnh của Diệm bất mãn cao độ. Trong bối cảnh đó, phong trào đấu tranh của Phật giáo ở miền Nam năm 1963 như “giọt nước tràn ly” khiến Hoa Kỳ quyết định bật đèn xanh cho các lực lượng đảo chính trong quân đội Sài Gòn lật đổ chế độ độc tài Ngô Đình Diệm (1/11/1963). Tuy nhiên, sau đảo chính, chính quyền tay sai của Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam chẳng những không ổn định mà lại khủng hoảng trầm trọng hơn. Các cuộc đảo chính và phản đảo chính liên tục nổ ra ở Sài Gòn góp phần tạo thêm thời cơ thuận lợi cho phong trào cách mạng miền Nam tiến lên giành nhiều thắng lợi to lớn về sau.

****Nghiên cứu này được tài trợ bởi*

Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (VNU-HCM)

trong đề tài mã số C2013-18b-03

³² Xem Mari Olsen (2006), *Soviet-Vietnam Relations and the Role of China: 1949-1964*, UK: Abingdon, pp. 74-75.

Diplomacy of the Republic of Vietnam under Ngo Dinh Diem's regime (1955-1963)

• **Tran Nam Tien**

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT:

The Republic of Vietnam was officially founded in 1955 under the absolute leadership of Ngo Dinh Diem. In the period from 1955 to 1963, the foreign policy of the Republic of Vietnam focused mainly on anti-Communist mission as a pioneering country in anti-Communist coalition of the U.S support behind. During its deployment, the Ngo Dinh Diem government initially attained certain achievements in diplomatic activities, building relationships with many countries in the Capitalist Bloc, establishing an anti-Communist

network under U.S leadership. In general, the Diem government's diplomacy was only the implement of the U.S foreign policy which has been established for the new U.S colonial government in the South of Vietnam. Starting in 1960, the Ngo Dinh Diem government was against the direction of the U.S that led to the U.S decision of willingness to accept the coup of the Saigon Military Forces (Republic of Vietnam Military Forces) that overthrew Ngo Dinh Diem (11/01/1963).

Keywords: Republic of Vietnam, United States of America, Ngo Dinh Diem, diplomacy

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. *American Foreign Policy 1950-1955, Basic Documents* (1957), Volumes I and II, Department of State Publication 446, General Foreign Policy, Series 117, Washington, DC : U.S. Governemnt Printing Office.
- [2]. Dwight D. Eisenhower (1963), *Mandate for Change, 1953-56*, Garden City, N.Y.: Doubleday & Compnay, Inc.
- [3]. Graham A. Cosmas (2006), *MACV: The Joint Command in the Years of Escalation, 1962-1967*, Washington, D.C.: Center of Military History.
- [4]. Nguyễn Xuân Hoài (2011), *Chế độ Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam Việt Nam giai đoạn 1955-1963*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- [5]. Pitor A.Pulo (1986), *Nước Mỹ và Đông Dương từ Rudoven đến Níchxon*, (Vũ Bách Hợp dịch), Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội.
- [6]. Robert S. McNamara (1995), *Nhìn lại quá khứ. Tấn thâm kịch và những bài học về Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7]. Stanley Karnow (1983), *Vietnam a History*, New York: Penguin Books.
- [8]. Thomas L. Ahern Jr. (2000), *CIA and The House of Ngo: Covert Action in South Vietnam, 1954-63*, Washington, DC: Center for the Study of Intelligence, Central Intelligence Agency.

- [9]. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II (2007), *Sách chỉ dẫn các phòng, sưu tập lưu trữ bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II*, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
- [10]. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (1991), *Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ ở Việt Nam*, Hà Nội.
- [11]. Viện Sử học (2002), *Lịch sử Việt Nam 1965-1975*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [12]. William Henderson - Wesley R. Fishel (1966), "The Foreign Policy of Ngo Dinh Diem", *Vietnam Perspectives*, Vol.2, No.1, Aug., 1966.